

BÁO CÁO TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

THÁNG 7 · 2026

1. Các chuyển động vĩ mô đáng chú ý trong tháng 7.2026

GDP tăng trưởng vượt kỳ vọng, động lực kinh tế được củng cố
Xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh, nhập siêu phản ánh chu kỳ mở rộng
Lạm phát hạ nhiệt nhờ giá năng lượng, nhưng áp lực nền vẫn duy trì
Sản xuất duy trì đà phục hồi, tạo nền tảng tăng trưởng
Tiêu dùng nội địa duy trì vai trò trụ cột, dịch vụ tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng
FDI duy trì đà tăng mạnh, củng cố triển vọng tăng trưởng trung và dài hạn
Áp lực gia tăng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát
Đầu tư công tăng tốc, tạo dư địa hỗ trợ tăng trưởng trong nửa cuối năm
Đánh giá tác động TT25/2026/TT-NHNN

2. Hàm ý đối với thị trường chứng khoán

Dòng tiền có cơ sở quay lại mạnh hơn
Triển vọng dài hạn tích cực, nhưng cần xác nhận bằng thanh khoản và dòng tiền
Quan điểm ngành tháng 7



CÁC CHUYỂN ĐỘNG VĨ MÔ ĐÁNG CHÚ Ý TRONG THÁNG 7/2026

8.18%



GDP quý II/2026

GDP quý II/2025: 7.63%

12.7%



IIP

Tăng so với cùng kỳ. Tăng 3.5% MoM

26,462



VND/USD

Tỷ giá bán ra tại NHTM. Tỷ giá tự do:
26,480

253.2



ĐTNSNN

Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN (nghìn tỷ VND). Tăng 38.9% YoY

5.41%



LS BQLNH

Lãi suất bình quân liên ngân hàng kỳ hạn
qua đêm

4.69%



CPI

Giảm 0.39% MoM

12.9%



Bán lẻ

Tăng trưởng lũy kế so với cùng kỳ

4.96



FDI

Mức FDI giải ngân (tỷ USD). FDI đăng ký
9.84 tỷ USD

33.4%



Nhập khẩu

Tăng trưởng so với cùng kỳ. Tăng 2.5%
MoM

21%



Xuất khẩu

Tăng trưởng so với cùng kỳ. Tăng 8.2%
MoM

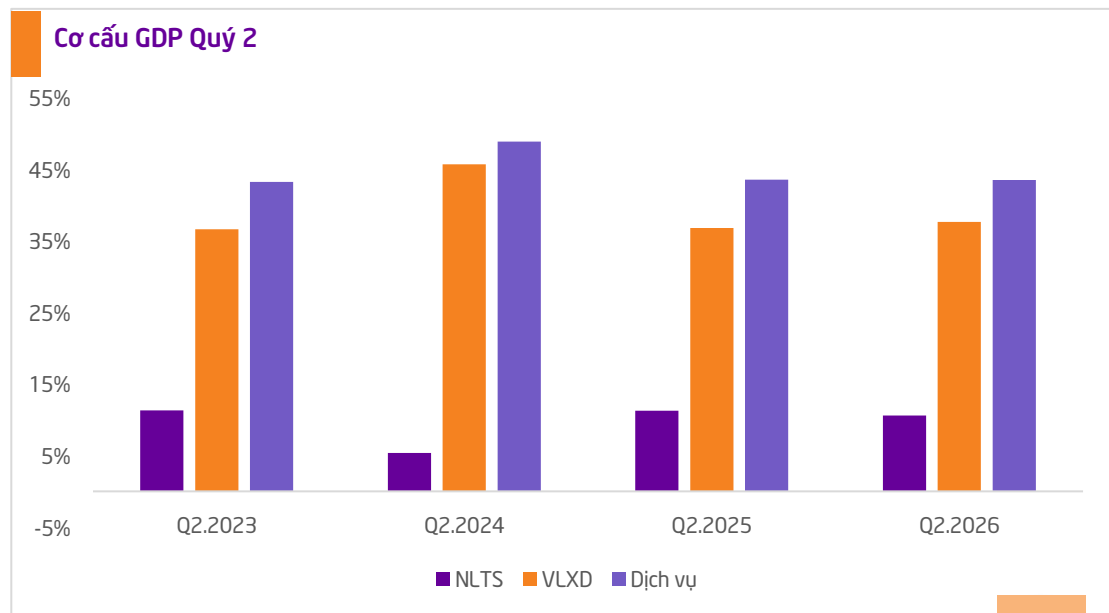
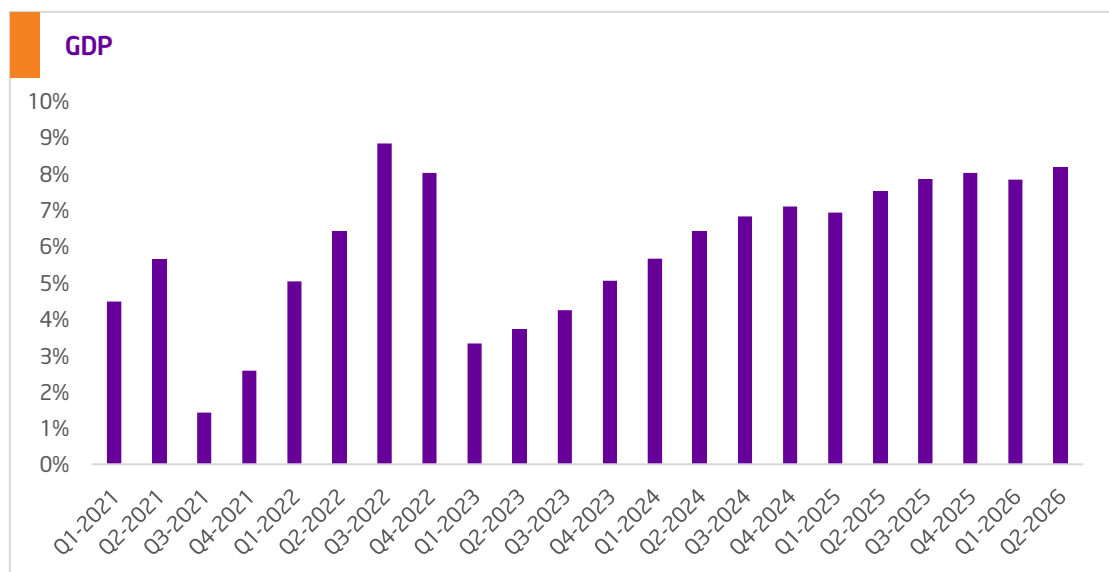
51.8



PMI

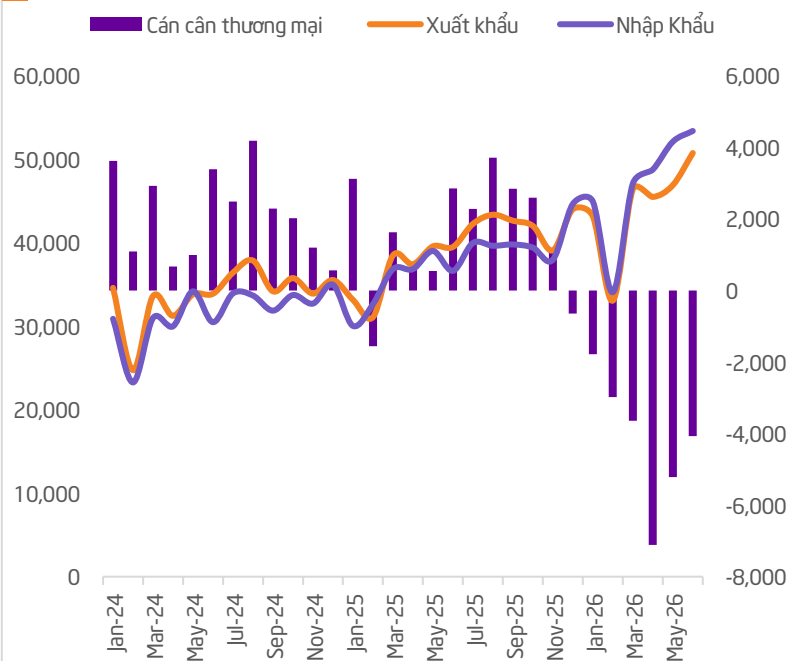
Chỉ số trung bình theo tháng. PMI tháng
5/2026 là 52.8

- Tăng trưởng GDP quý II/2026 tiếp tục vượt kỳ vọng, cho thấy đà phục hồi của nền kinh tế đang được củng cố trên nền tảng tương đối vững chắc.** GDP tăng 8,39% so với cùng kỳ, cao hơn mức của quý I, qua đó đưa tăng trưởng 6 tháng đầu năm lên 8,18%, vượt đáng kể mức 7,63% cùng kỳ năm trước. **Khu vực dịch vụ tiếp tục đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính**, đóng góp hơn 50% vào mức tăng chung của nền kinh tế, nhờ sức cầu tiêu dùng cải thiện trong dịp Tết và sự phục hồi mạnh mẽ của du lịch quốc tế (+12% YoY). Điều này cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của tiêu dùng nội địa và du lịch trong việc duy trì đà tăng trưởng.
- Khu vực dịch vụ tiếp tục là động lực lớn nhất của nền kinh tế**, đóng góp hơn 40% vào mức tăng GDP chung. Sự cải thiện của thương mại, vận tải và du lịch phản ánh nhu cầu tiêu dùng trong nước duy trì vững, đồng thời hoạt động lưu thông hàng hóa và đi lại gia tăng, qua đó hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng.
- Trong khi đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt chu kỳ phục hồi**, với mức tăng **10,51%** so với cùng kỳ. Riêng ngành chế biến, chế tạo tăng 10,23%, cho thấy hoạt động sản xuất đang được cải thiện nhờ nhu cầu thị trường phục hồi và đơn hàng xuất khẩu dần khởi sắc. Diễn biến này củng cố kỳ vọng rằng khu vực sản xuất sẽ tiếp tục là động lực quan trọng của tăng trưởng trong các quý tới.
- Mặc dù nền tảng tăng trưởng vẫn được đánh giá tích cực, triển vọng nửa cuối năm vẫn tồn tại một số rủi ro cần theo dõi.** Áp lực từ cán cân thương mại, lạm phát, biến động tỷ giá cùng yêu cầu duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên nền so sánh ngày càng lớn có thể ảnh hưởng đến du địa điều hành chính sách vĩ mô. Do đó, khả năng duy trì ổn định kinh tế vĩ mô song song với hỗ trợ tăng trưởng sẽ tiếp tục là trọng tâm của chính sách trong thời gian tới.

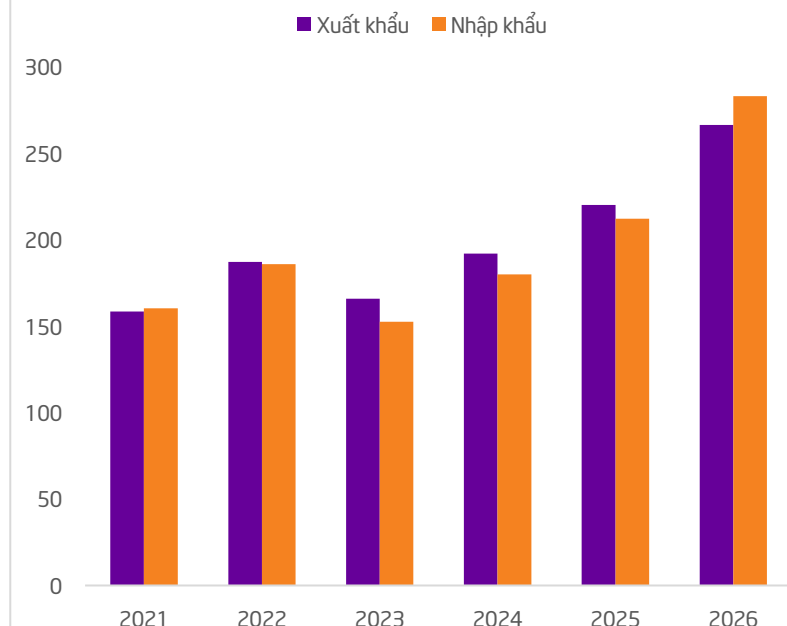


- **Hoạt động thương mại tiếp tục là điểm sáng trong 6 tháng đầu năm 2026**, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 549,7 tỷ USD, tăng 27,1% so với cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu đạt 266,5 tỷ USD (+21,0% YoY), phản ánh nhu cầu từ các thị trường chủ lực tiếp tục cải thiện, trong khi khu vực FDI đóng góp gần 80% tổng kim ngạch xuất khẩu và tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt.
- **Nhập khẩu tăng mạnh hơn xuất khẩu**, đạt 283,2 tỷ USD (+33,4% YoY), chủ yếu nhờ nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Đáng chú ý, 94,1% kim ngạch nhập khẩu là tư liệu sản xuất, cho thấy doanh nghiệp đang mở rộng năng lực sản xuất và chuẩn bị cho chu kỳ xuất khẩu trong các quý tới.
- **Cán cân thương mại chuyển sang nhập siêu 16,65 tỷ USD**, chủ yếu phản ánh nhập siêu phục vụ tăng trưởng thay vì sự suy yếu của nền kinh tế. Tuy nhiên, quy mô nhập siêu lớn vẫn có thể tạo áp lực lên tỷ giá và dư địa điều hành chính sách tiền tệ trong ngắn hạn. Nếu xuất khẩu phục hồi như kỳ vọng trong nửa cuối năm, cán cân thương mại nhiều khả năng sẽ cải thiện, qua đó hỗ trợ ổn định vĩ mô và tăng trưởng kinh tế.

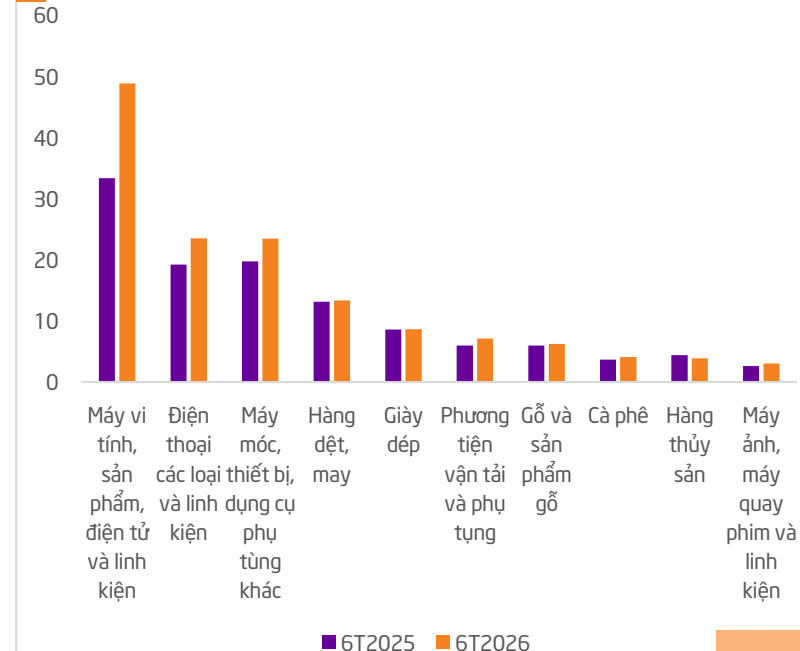
Xuất nhập khẩu - Cán cân thương mại (Triệu USD)



Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 6 tháng đầu năm (Tỷ USD)

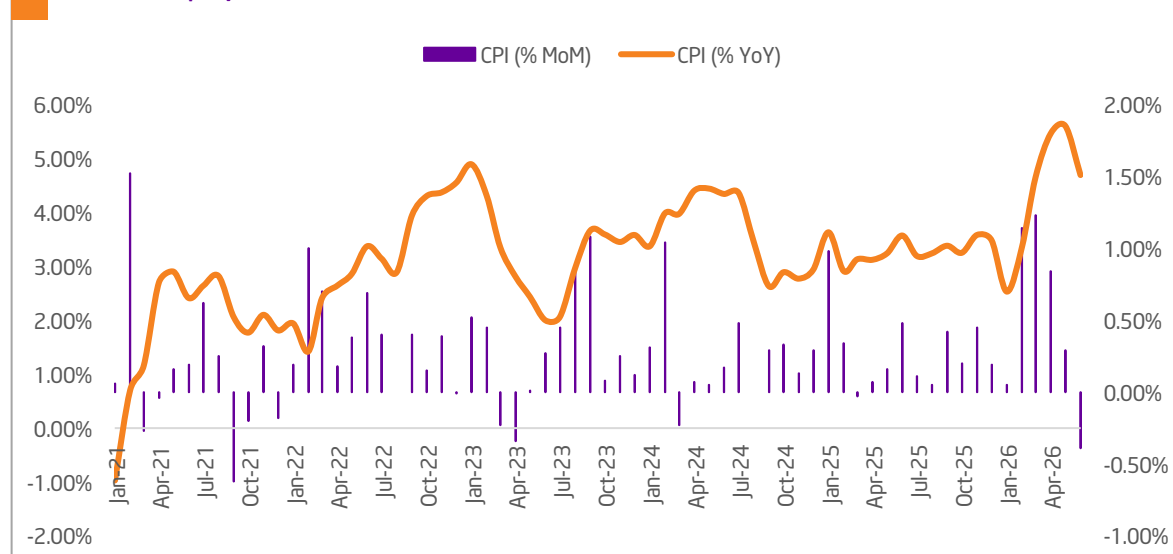


Trị giá xuất khẩu của một số nhóm hàng lớn (Tỷ USD)

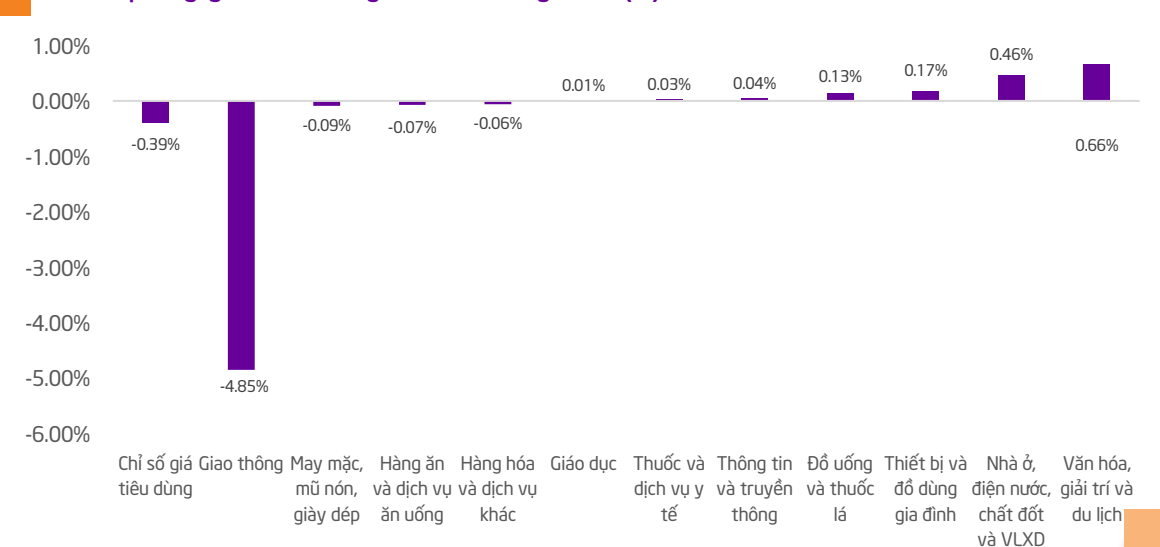


- Lạm phát hạ nhiệt trong tháng 6/2026, chủ yếu nhờ sự điều chỉnh của giá năng lượng theo diễn biến của thị trường thế giới.** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm 0,39% so với tháng trước, đánh dấu mức giảm đầu tiên trong năm. Nguyên nhân chính đến từ việc giá xăng và dầu diesel trong nước lần lượt giảm **10,05%** và **10,63%**, sau khi giá dầu thế giới hạ nhiệt, qua đó góp phần làm giảm chi phí vận tải và kéo mặt bằng giá tiêu dùng đi xuống.
- Tác động của giá nhiên liệu được phản ánh rõ trong cơ cấu CPI theo tháng.** Cụ thể, nhóm giao thông là nhóm đóng góp lớn nhất vào mức giảm của CPI khi ghi nhận mức giảm mạnh nhờ giá nhiên liệu đi xuống. Trong đó, **vận tải hàng không giảm 11,62%**, cùng với sự điều chỉnh của vận tải đường bộ và đường thủy, cho thấy chi phí vận chuyển đã hạ nhiệt đáng kể sau giai đoạn tăng cao trước đó. Điều này cho thấy biến động của giá năng lượng vẫn là yếu tố chi phối diễn biến lạm phát trong ngắn hạn.
- Tuy nhiên, áp lực lạm phát nền vẫn chưa thực sự suy giảm.** Mặc dù CPI giảm theo tháng, chỉ số này vẫn tăng 3,21% so với cuối năm 2025 và 4,69% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh mặt bằng giá vẫn duy trì ở mức cao. Đáng chú ý, động lực tăng giá không còn tập trung ở nhóm năng lượng mà đã mở rộng sang lương thực – thực phẩm, nhà ở, điện nước và các nhóm dịch vụ, cho thấy áp lực chi phí đầu vào cũng như sức cầu trong nước vẫn tương đối vững.
- Diễn biến này hàm ý rằng mức giảm của CPI trong tháng 6 chủ yếu mang tính ngắn hạn, xuất phát từ yếu tố giá năng lượng hơn là sự suy yếu của áp lực lạm phát.** Trong trường hợp giá hàng hóa thế giới đảo chiều tăng trở lại hoặc nhu cầu tiêu dùng trong nước tiếp tục cải thiện, lạm phát có thể chịu thêm áp lực trong những tháng cuối năm. Do đó, diễn biến của lạm phát cơ bản và các nhóm hàng hóa ngoài năng lượng sẽ là những chỉ báo quan trọng cần tiếp tục theo dõi khi đánh giá dự địa điều hành chính sách tiền tệ trong thời gian tới.

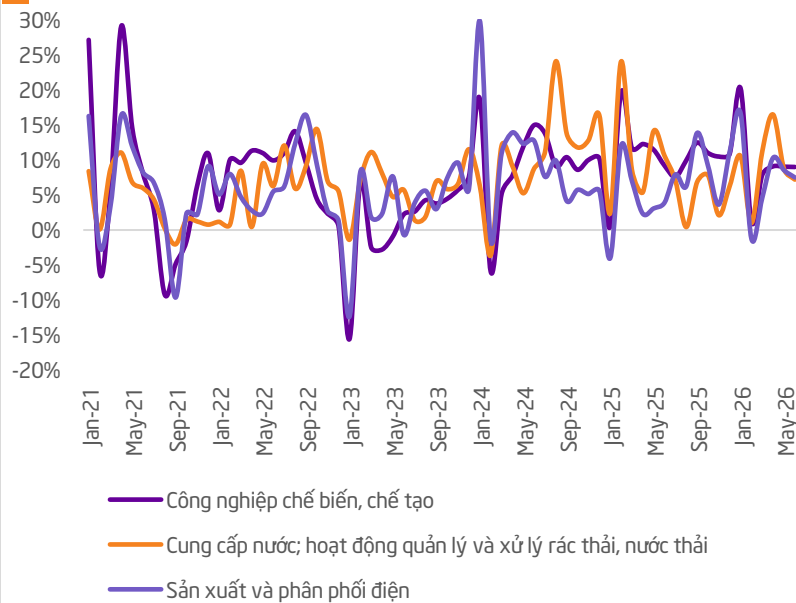
Diễn biến lạm phát



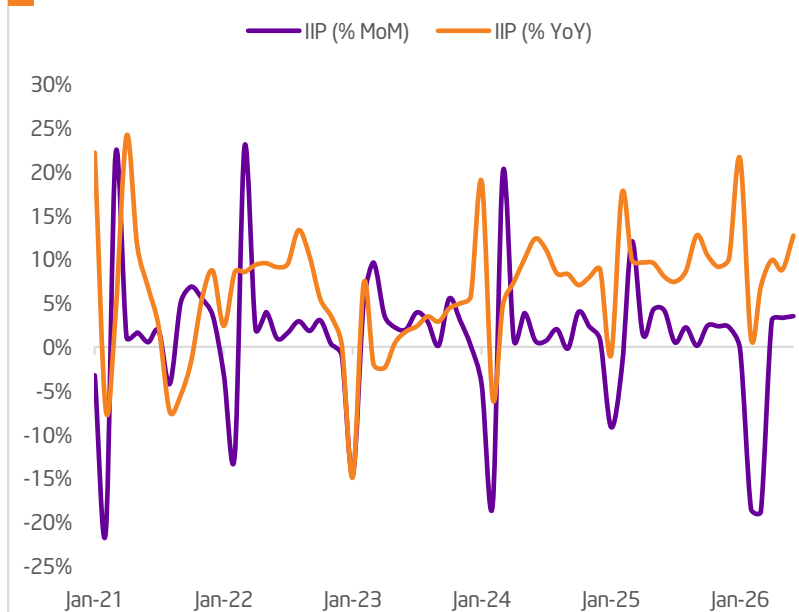
Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 6 so với tháng trước (%)



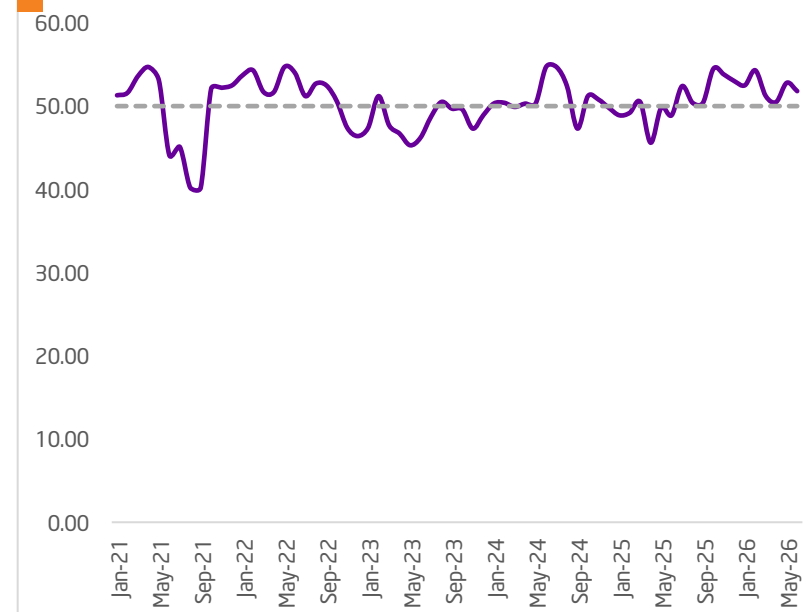
Mức độ tăng trưởng của một số ngành (%YoY)



IIP



Chỉ số PMI

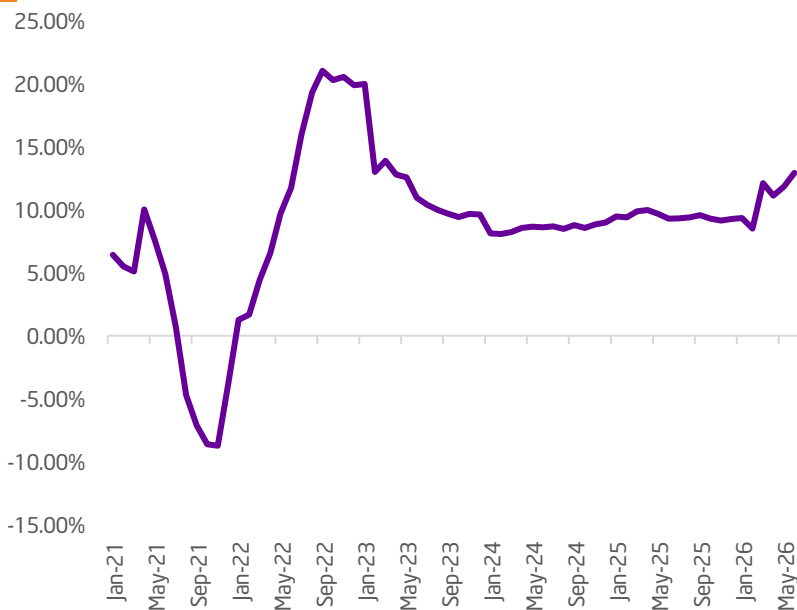


Nguồn: Fiiipro

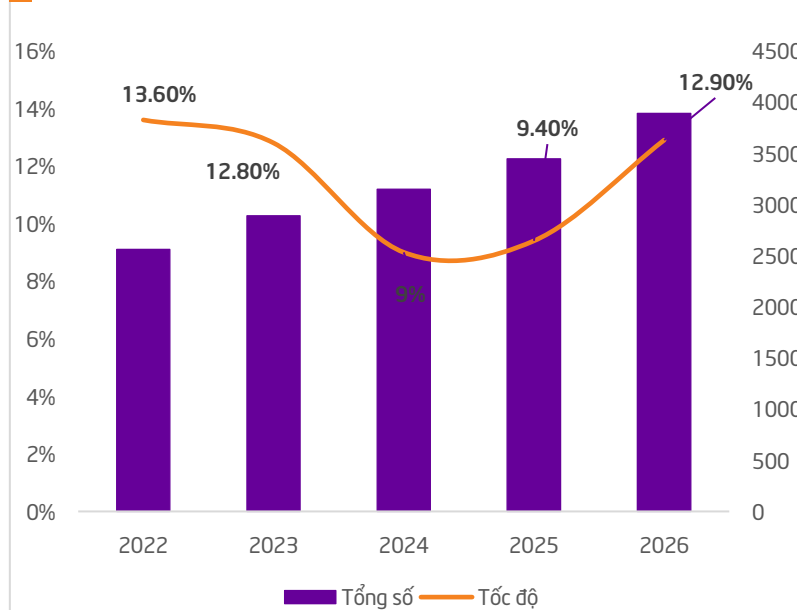
- **Khu vực sản xuất tiếp tục là động lực quan trọng của nền kinh tế**, với IIP 6 tháng đầu năm tăng 10,8%, mức cao nhất kể từ năm 2019, trong khi PMI tháng 6 đạt 51,8 điểm, duy trì trên ngưỡng 50 điểm tháng thứ sáu liên tiếp, cho thấy hoạt động sản xuất vẫn trong xu hướng mở rộng. Động lực tăng trưởng đến từ ngành chế biến, chế tạo (+11,4%), cùng sự cải thiện của đơn hàng mới, đơn hàng xuất khẩu và sản lượng, được hỗ trợ bởi nhu cầu tiêu thụ phục hồi, dòng vốn FDI và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng sang Việt Nam.
- **Diễn biến này phản ánh chu kỳ “nhập khẩu nguyên liệu – sản xuất – xuất khẩu” đang được củng cố, tạo nền tảng cho tăng trưởng xuất khẩu và lợi nhuận doanh nghiệp trong nửa cuối năm.** Tuy nhiên, đà phục hồi vẫn cần được theo dõi khi tốc độ tăng đơn hàng có dấu hiệu chậm lại, trong khi rủi ro từ chi phí logistics, giá năng lượng và bất ổn địa chính trị vẫn hiện hữu. Dù vậy, chi phí đầu vào và giá bán hạ nhiệt cùng sự mở rộng của hoạt động sản xuất sẽ tiếp tục hỗ trợ kiểm soát lạm phát, tăng trưởng GDP và triển vọng của các nhóm ngành hưởng lợi như khu công nghiệp, logistics, cảng biển và doanh nghiệp xuất khẩu.

- **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2026 đạt 3,89 triệu tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ**, tiếp tục khẳng định tiêu dùng nội địa là một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Đà tăng được hỗ trợ bởi sự phục hồi của khu vực dịch vụ và nhu cầu tiêu dùng ổn định. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 12,5%, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 15,6%, du lịch lữ hành tăng 15,0% và các dịch vụ khác tăng 12,5%, phản ánh sự sôi động của hoạt động thương mại, du lịch và tiêu dùng trong nước.
- **Tuy nhiên, sau khi loại trừ yếu tố giá, doanh thu bán lẻ thực chỉ tăng 7,3%**, thấp hơn nhẹ so với cùng kỳ năm trước, cho thấy áp lực lạm phát vẫn phần nào ảnh hưởng đến sức mua thực tế của hộ gia đình. Dù vậy, với thị trường lao động cải thiện, thu nhập phục hồi và khu vực dịch vụ tiếp tục mở rộng, tiêu dùng nội địa được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng vai trò là trụ cột của tăng trưởng GDP trong nửa cuối năm, qua đó tạo nền tảng tích cực cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực bán lẻ, hàng tiêu dùng, hàng không và du lịch.

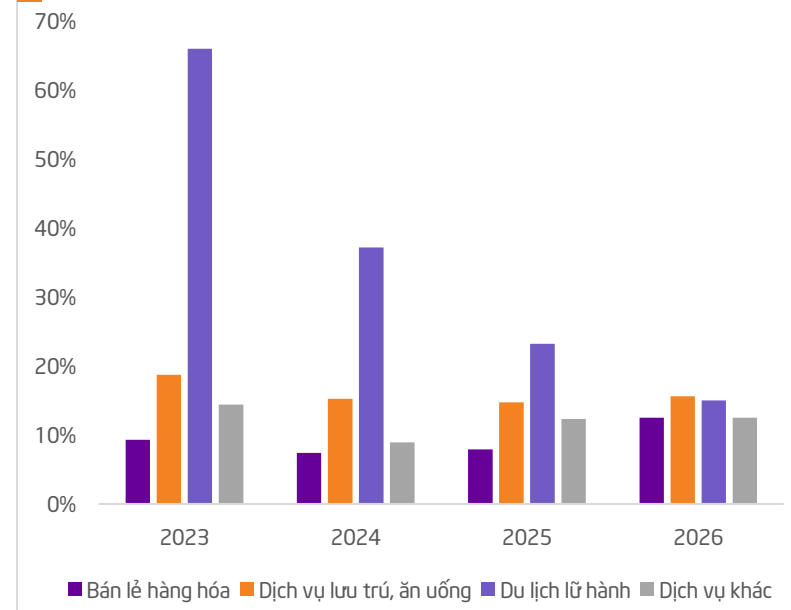
Tổng mức bán lẻ hàng hóa (% YoY)



Bán lẻ hàng hóa 6 tháng đầu năm



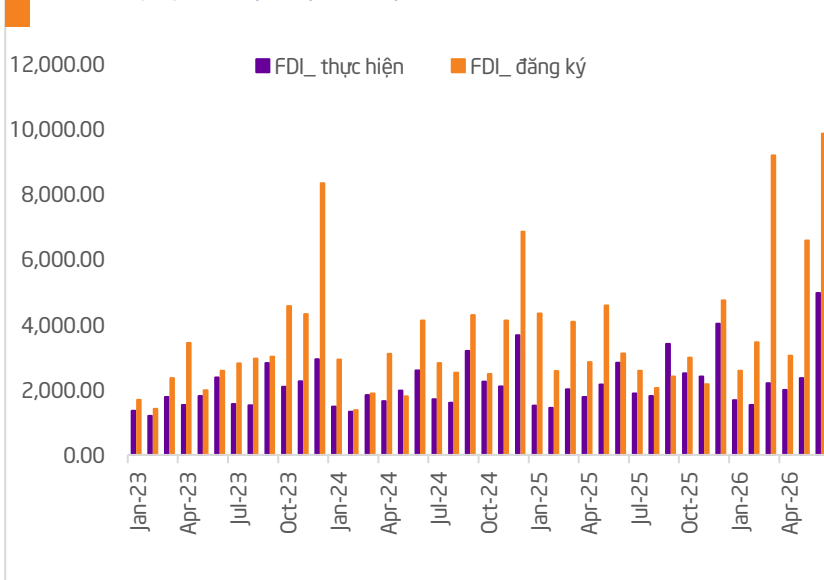
Mức độ tăng trưởng trong 6 tháng đầu năm



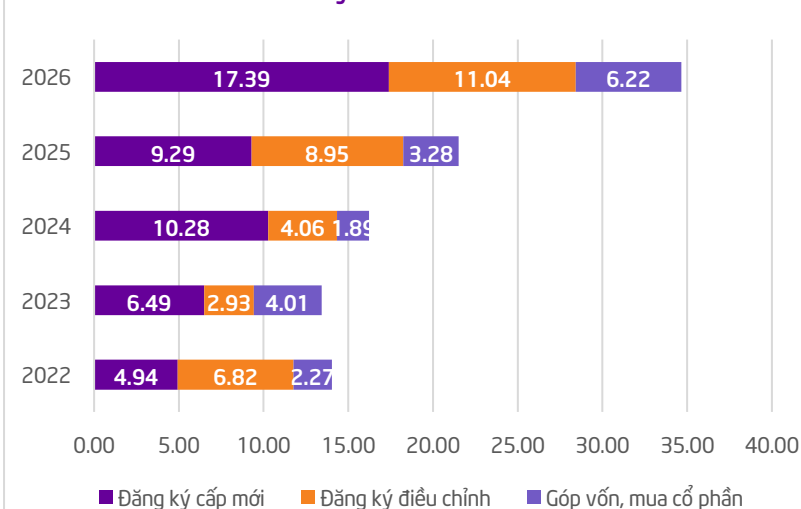
- Dòng vốn FDI tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế trong nửa đầu năm 2026 khi cả vốn đăng ký và vốn giải ngân đều tăng trưởng mạnh.** Tổng vốn FDI đăng ký đạt **34,65 tỷ USD**, tăng **61% so với cùng kỳ**, trong khi vốn giải ngân đạt **13,03 tỷ USD** (+11,2% YoY), ghi nhận mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Kết quả này phản ánh niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài đối với triển vọng kinh tế Việt Nam tiếp tục được củng cố, bất chấp bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định.
- Động lực tăng trưởng của dòng vốn FDI đến từ xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, chính sách thu hút đầu tư vào các ngành công nghệ cao và hạ tầng, cùng với hiệu ứng lan tỏa từ đầu tư công.** Sự cải thiện của môi trường đầu tư và nhu cầu mở rộng năng lực sản xuất của các doanh nghiệp FDI cũng góp phần thúc đẩy cả vốn đăng ký mới lẫn tiến độ giải ngân, tạo nền tảng cho tăng trưởng trong các quý tiếp theo.
- Cơ cấu dòng vốn tiếp tục cho thấy xu hướng tập trung vào các ngành có giá trị gia tăng cao.** Công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút 17,91 tỷ USD, chiếm 63,0% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm, tiếp tục khẳng định vai trò là động lực chính của dòng vốn FDI. Điều này phản ánh chiến lược của các nhà đầu tư nước ngoài trong việc mở rộng năng lực sản xuất và củng cố vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng khu vực, đồng thời tạo dư địa cho tăng trưởng xuất khẩu và sản xuất công nghiệp trong trung và dài hạn.
- Diễn biến trên hàm ý rằng FDI không chỉ tiếp tục đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng GDP và hoạt động sản xuất, mà còn hỗ trợ cải thiện nguồn cung ngoại tệ, giảm áp lực lên tỷ giá và tạo thêm việc làm cũng như nhu cầu đầu tư trong nước.** Trong bối cảnh dòng vốn vẫn duy trì xu hướng tích cực và tập trung vào các ngành sản xuất cốt lõi, FDI được kỳ vọng sẽ tiếp tục là một trong những động lực quan trọng hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp và triển vọng của thị trường chứng khoán trong nửa cuối năm 2026.

Nguồn: Fiinpro

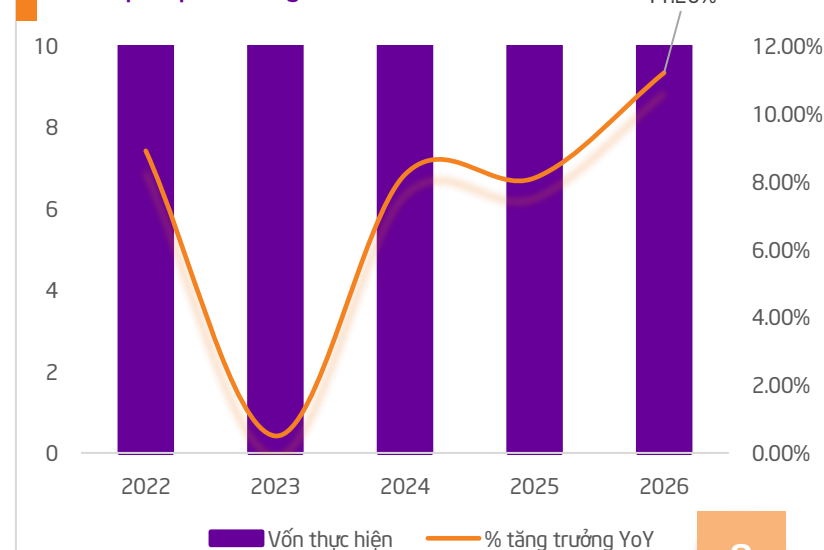
FDI đăng ký và thực hiện – Triệu USD

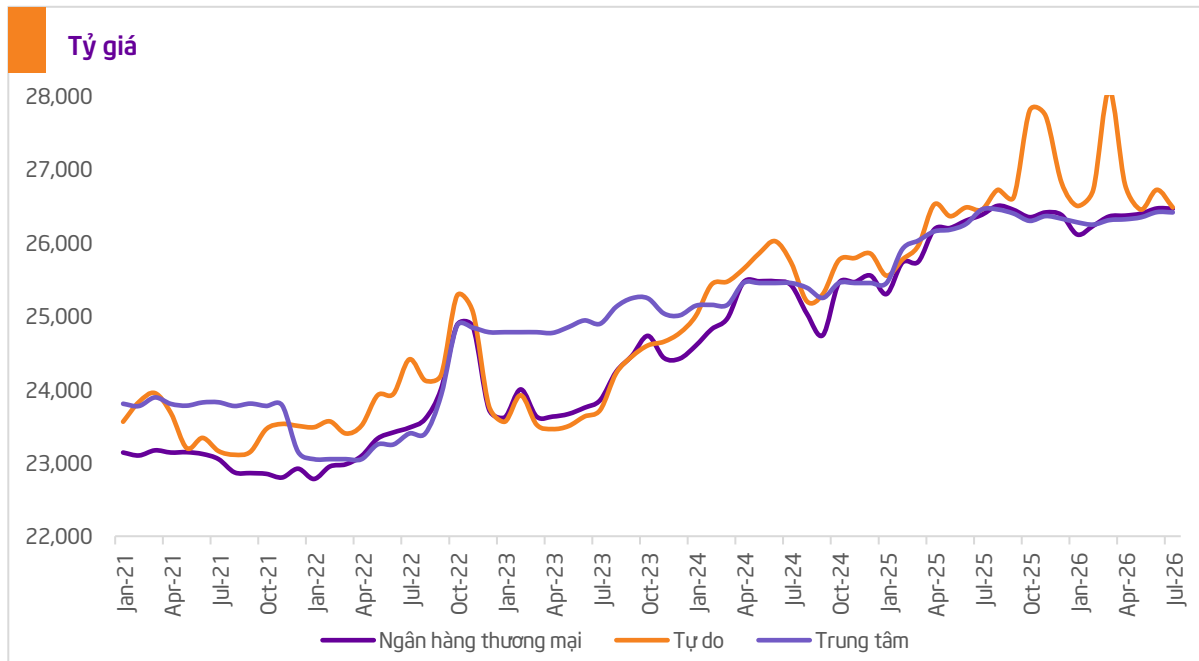


Vốn FDI đăng ký trong 5 tháng đầu năm (2022 - 2026) - Tỷ USD

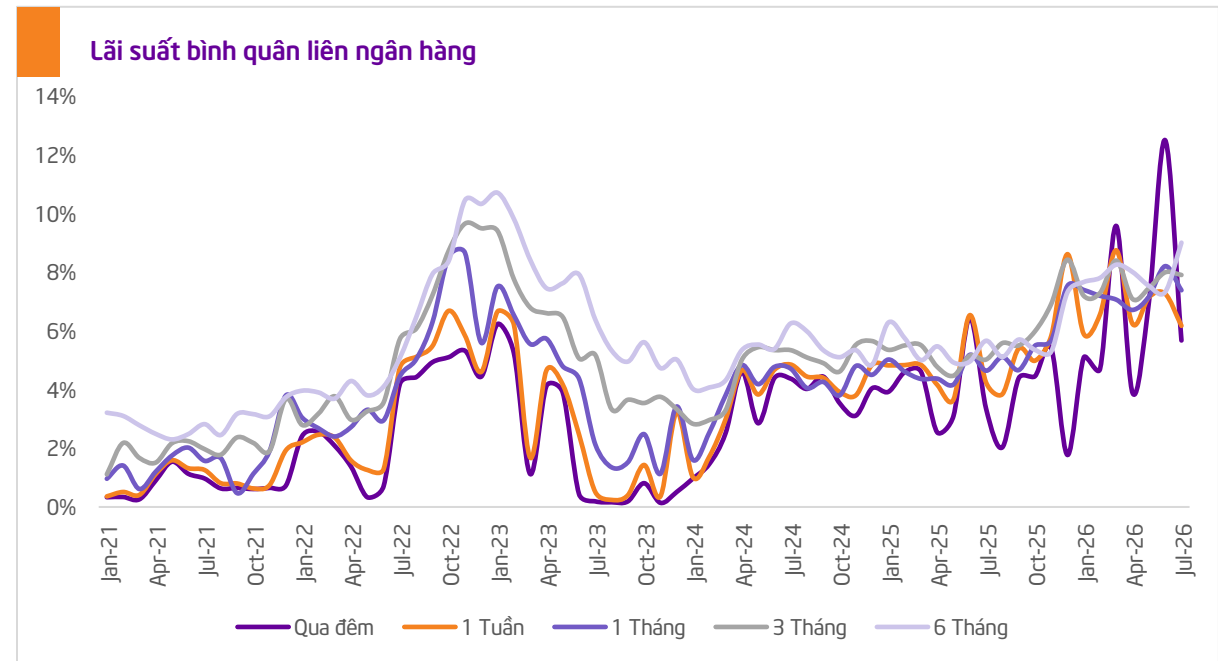


FDI thực hiện 6 tháng đầu năm

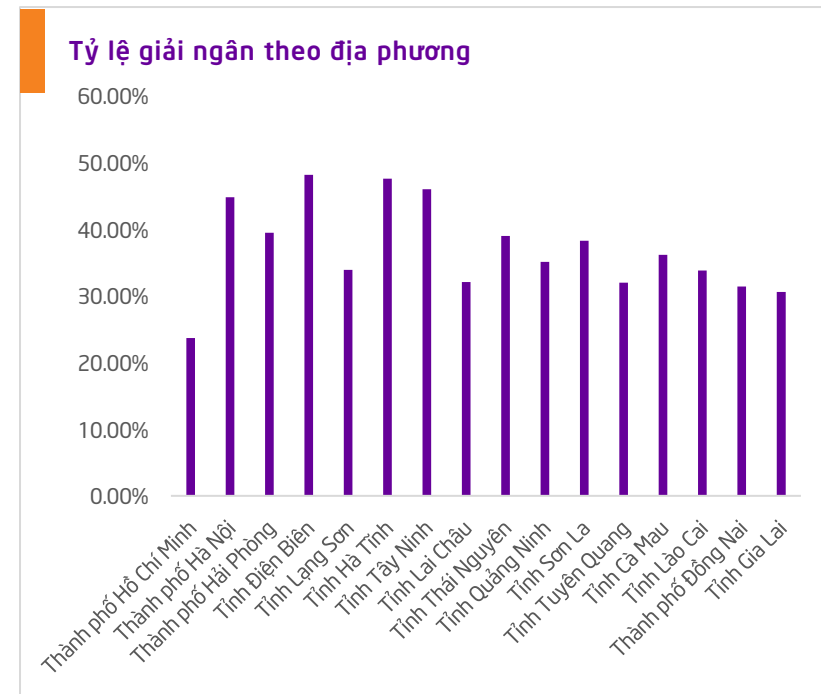
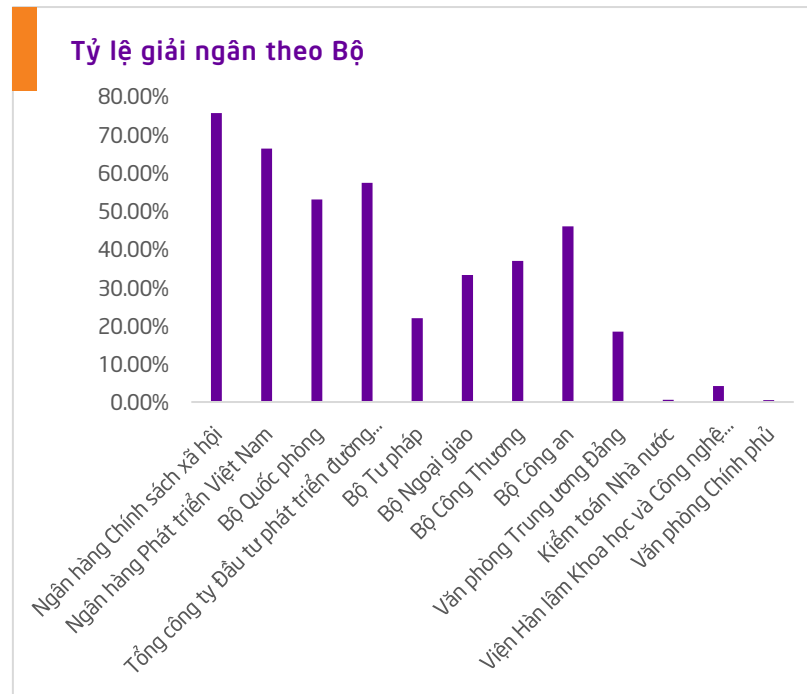
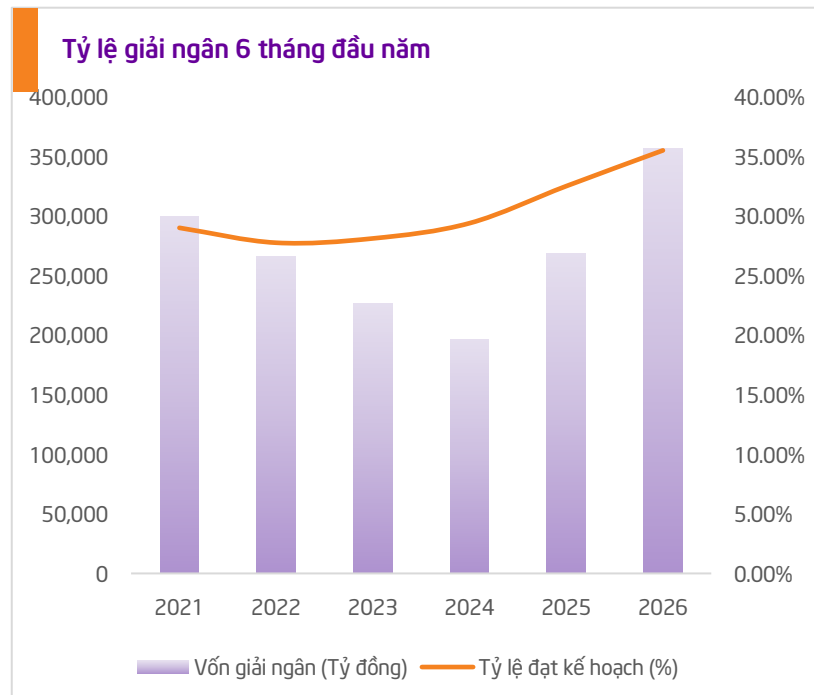




Nguồn: Fiinpro



- **Thị trường tiền tệ trong nửa đầu năm 2026 ghi nhận áp lực gia tăng trên cả tỷ giá và lãi suất khi nền kinh tế phục hồi mạnh.** Tỷ giá VND/USD tiếp tục chịu sức ép từ nhập siêu, nhu cầu ngoại tệ phục vụ nhập khẩu, đồng USD duy trì ở mức cao và chênh lệch lãi suất với các nền kinh tế lớn. Tuy nhiên, áp lực này vẫn được cân bằng nhờ dòng vốn FDI giải ngân tích cực, xuất khẩu và kiều hối duy trì tăng trưởng, cùng khả năng điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước. Dù vậy, trong bối cảnh lạm phát và rủi ro địa chính trị toàn cầu vẫn hiện hữu, nhu cầu nắm giữ USD nhiều khả năng sẽ tiếp tục ở mức cao, khiến tỷ giá khó giảm mạnh trong ngắn hạn.
- **Trong khi đó, lãi suất liên ngân hàng tăng đáng kể, phản ánh thanh khoản hệ thống không còn dồi dào như giai đoạn trước.** Nguyên nhân chủ yếu đến từ tăng trưởng tín dụng nhanh hơn huy động vốn, làm gia tăng nhu cầu vốn ngắn hạn giữa các ngân hàng. Đồng thời, lạm phát bình quân 6 tháng đầu năm ở mức **4,38%** cũng thu hẹp dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ, khi Ngân hàng Nhà nước cần cân bằng giữa mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định tỷ giá. Nhìn chung, áp lực lên tỷ giá và lãi suất được dự báo sẽ còn duy trì trong nửa cuối năm, song chưa ở mức gây rủi ro lớn đối với ổn định vĩ mô. Đối với nhà đầu tư, đây là yếu tố cần theo dõi vì có thể ảnh hưởng đến chi phí vốn của doanh nghiệp, diễn biến dòng tiền và định giá của thị trường chứng khoán.



Nguồn: Fiinpro

- Tiến độ giải ngân đầu tư công ghi nhận sự cải thiện rõ nét trong quý II sau giai đoạn đầu năm còn chậm do vướng mắc về thủ tục, giải phóng mặt bằng và nguồn cung vật liệu.** Đến hết tháng 6/2026, vốn đầu tư công giải ngân đạt 356,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 35,5% kế hoạch Thủ tướng giao. Xu hướng giải ngân tăng tốc trong những tháng gần đây cho thấy các điểm nghẽn đang dần được tháo gỡ, qua đó củng cố kỳ vọng đầu tư công sẽ tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nửa cuối năm.
- Cùng với đó, cân đối ngân sách Nhà nước tiếp tục được duy trì tích cực.** Lũy kế 6 tháng đầu năm, thu ngân sách đạt 1.568,2 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 62% dự toán và tăng 17,4% so với cùng kỳ, trong khi chi ngân sách đạt 1.149,1 nghìn tỷ đồng, tương đương 36,4% dự toán và gần như đi ngang so với năm trước. Diễn biến này phản ánh chính sách tài khóa tiếp tục được điều hành theo hướng chủ động và thận trọng, với nguồn lực ưu tiên cho đầu tư phát triển và an sinh xã hội, qua đó tạo dư địa hỗ trợ tăng trưởng và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô trong thời gian tới.

Ban hành 22/06/2026 · Sửa đổi Thông tư 22/2019 · Hiệu lực 01/07/2026

40%

Trần SMLR mới — nâng từ 30%

+10 đpt

Dư địa vốn ngắn hạn tài trợ tài sản dài hạn

80%

Tiền gửi KBNN được loại trừ khi tính LDR

85%

CDR mới tối đa

1 Hai thay đổi cốt lõi

- ① **SMLR** — Nâng trần vốn ngắn hạn cho vay trung–dài hạn **30% → 40%**. Bãi bỏ lộ trình siết của TT 08/2020; quay lại mức nới lỏng 2020–2021.
- ② **LDR** — Linh hoạt hóa cách tính với tiền gửi Kho bạc Nhà nước: loại trừ **80%** số dư có kỳ hạn (chỉ tính 20% vào mẫu số). Trao quyền chủ động cho Thống đốc điều chỉnh theo thanh khoản.

3 Hai rủi ro cần giám sát

- ! **Chênh lệch kỳ hạn.** Dùng nhiều vốn ngắn hạn tài trợ tài sản dài hạn → rủi ro thanh khoản cao hơn khi thị trường biến động.
- ! **Bất định chính sách.** Quyền điều chỉnh tỷ lệ tiền gửi KBNN của Thống đốc khiến dự báo dài hạn khó khăn; room LDR có thể bị siết bất kỳ lúc nào.

2 Cơ hội: ba lực đẩy tín dụng

- 01 Hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng cao** — giải phóng room cho hạ tầng, xây dựng, BĐS khu công nghiệp và mở rộng công suất.
- 02 Giảm chi phí vốn, bảo vệ NIM** — không phải chạy đua chứng chỉ tiền gửi / trái phiếu lãi cao; tạo dư địa hạ lãi suất đầu ra.
- 03 Giải tỏa lệch pha tín dụng–huy động** — tạo “van an toàn” khi tín dụng tăng nhanh hơn huy động từ đầu 2026.

4 Ngân hàng hưởng lợi

- NHÓM 1 · Big 4 (VCB · BID · CTG)** — “hưởng lợi kép”: nắm phần lớn tiền gửi KBNN → LDR giải phóng hàng chục nghìn tỷ room; lợi thế chi phí vốn thấp.
- NHÓM 2 · Tư nhân SMLR cận trần** (MBB ~29% · VPB >28% · TCB) — huy động ngắn hạn lớn, tập trung khách hàng doanh nghiệp → đẩy mạnh tín dụng nửa cuối năm.
- Lưu ý:** nhóm NHTN hầu như không hưởng lợi từ thay đổi LDR do gần như không có tiền gửi KBNN.

Dòng tiền có cơ sở quay lại mạnh hơn

Triển vọng dài hạn tích cực, nhưng cần xác nhận bằng thanh khoản và dòng tiền

Quan điểm ngành tháng 7

VN-Index đang bước vào giai đoạn tích cực hơn trong 6 tháng cuối năm 2026, khi nền vĩ mô duy trì tăng trưởng cao, tín dụng tăng nhanh, FDI và đầu tư công tiếp tục là động lực chính. Sau giai đoạn phục hồi và tích lũy quanh vùng 1.850–1.870 điểm, thị trường có khả năng tái kiểm định vùng đỉnh cũ 1.900–1.930 điểm. Nếu thanh khoản cải thiện và nhóm cổ phiếu dẫn dắt quay lại, VN-Index có cơ sở thiết lập mặt bằng điểm số mới, hướng tới vùng 2.080–2.180 điểm trong kịch bản tích cực. Tuy nhiên, dòng tiền sẽ không lan tỏa đồng đều như giai đoạn đầu sóng, mà có xu hướng tập trung vào các nhóm ngành có câu chuyện tăng trưởng rõ ràng, hưởng lợi trực tiếp từ chính sách, nâng hạng thị trường và dòng vốn đầu tư thực.

Quan điểm trung – dài hạn của TPS chuyển sang tích cực hơn, nhờ ba động lực chính: tăng trưởng kinh tế duy trì cao, chính sách tài khóa – tiền tệ hỗ trợ có mục tiêu và câu chuyện nâng hạng thị trường bước vào giai đoạn thực thi. Việc NHNN điều tiết thanh khoản qua OMO, hoán đổi USD/VND và cơ chế loại một số khoản vay dự án trọng điểm khỏi room tín dụng giúp giảm rủi ro thiếu vốn trong nền kinh tế, qua đó hỗ trợ kỳ vọng lợi nhuận doanh nghiệp trong nửa cuối năm.

Tuy vậy, để xác nhận kịch bản VN-Index lập đỉnh mới, thị trường cần ba điều kiện: VN-Index đóng cửa vượt vùng 1.930 điểm, thanh khoản HoSE cải thiện lên vùng 25.000–30.000 tỷ đồng/phiên, và dòng tiền lan tỏa từ nhóm ngân hàng – chứng khoán sang vật liệu, khu công nghiệp, logistics và tiêu dùng đầu ngành. Trong trường hợp các điều kiện này được đáp ứng, thị trường có khả năng bước vào pha tăng mới thay vì chỉ là nhịp hồi kỹ thuật

Ngành	Quan điểm	Động lực	Tiêu chí
Chứng khoán	Tích cực	Hưởng lợi từ kỳ vọng nâng hạng thị trường, thanh khoản cải thiện và dư nợ margin tăng.	Ưu tiên các công ty có thị phần lớn, vốn mạnh, năng lực margin cao và quản trị rủi ro tốt.
Ngân hàng	Tích cực	Được hỗ trợ bởi tăng trưởng tín dụng và nhu cầu vốn cho sản xuất, hạ tầng.	Ưu tiên các ngân hàng có CASA cao, nền tảng vốn vững, chất lượng tài sản tốt và khả năng tài trợ dự án lớn.
Đầu tư công/ Vật liệu xây dựng	Tích cực	Hưởng lợi từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công trong nửa cuối năm	Ưu tiên doanh nghiệp có quỹ đất sẵn sàng cho thuê, pháp lý rõ ràng và vị trí chiến lược.
Khu công nghiệp/ Logistic/ Cảng biển	Tích cực trung hạn	Hưởng lợi từ FDI tăng mạnh và nhu cầu mở rộng sản xuất	Chậm thủ tục, thiếu vật liệu, biến động giá
Tiêu dùng – bán lẻ	Trung lập	Tiêu dùng duy trì tăng trưởng nhưng sức mua thực vẫn chịu áp lực từ lạm phát	Ưu tiên doanh nghiệp đầu ngành, thương hiệu mạnh và khả năng kiểm soát biên lợi nhuận.
Bất động sản	Trung lập	Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất ổn định và tín dụng cải thiện	Ưu tiên doanh nghiệp có pháp lý minh bạch, đòn bẩy tài chính hợp lý và dự án có khả năng triển khai cao.

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Báo cáo này không phải là báo cáo phục vụ cho nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS

LIÊN HỆ

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG (TPS)